TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập -Tự Do-Hạnh Phúc

Bản án số: 31 /2018/DS-ST
Ngày: 30/3/2018
V/v: " Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh

-Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Lan

2. Ông Lê Đức Minh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu- thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Đặng Tấn Tài, kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 116/2017/TLST- DS ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc "*Tranh chấp, Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐST-DS ngày 02/01/2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1959 và bà Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Tổ 04, ấp Phú An A, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp cho ông Đ bà L: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Số 27, đường Trần Phú, tổ 2, khóm Long Thạnh C, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Đại diện theo giấy ủy quyền ngày 17/10/2017 (có mặt);

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1977 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1976; cùng địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp Phú Hữu 1, xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (bà T có mặt);

Người đại diện hợp pháp cho bà V: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp Phú Hữu 1, xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang làm đại diện theo giấy ủy quyền ngày 27/11/2017(có mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp Phú Hữu 1, xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp cho ông Nguyễn Văn S: bà Bùi Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp Phú Hữu 1, xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Theo giấy ủy quyền ngày 02/01/2018(có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 22/4/2013 AL bà Nguyễn Thị V có đến vay của ông Đ bà L 100.000.000 đ với mức lãi suất là 4%/ tháng, khi vay bà V có ký giấy nợ sau khi vay thì bà V có nộp cho vợ chồng ông Đ được hai tháng lãi và ngưng kéo dài đến nay. Sau đó đến ngày 10/5/2013AL bà T đến vay của vợ chồng ông Đ 100.000.000 đ có ký giấy nợ, trong giấy nợ này bà V có ký vào với tư cách là người làm chứng. Trong Hợp đồng vay này thì hai bên thỏa thuận cũng mức lãi suất là 4%/ tháng và cũng không nêu thời hạn trả nợ. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thì phía bà T có ký Hợp đồng chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ một cái nền nhà trị giá 100.000.000 đ theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/12/2013 để trừ số nợ mà bà T đã vay, như vậy thì phần bà T vay của vợ chồng ông Đ bà L đã hết nợ. Bà V thì còn nợ ông Đ bà L 100.000.000 đ;

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2017 của ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Ngọc L yêu cầu bà Nguyễn Thị V và bà Bùi Thị T phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đ – bà L số tiền vốn vay 200.000.000 đồng. Sau khi bàn bạc cấn trừ nợ giữa đôi bên, ông Đ bà L thay đổi yêu cầu so với nội dung đơn kiện ban đầu. Nay ông M chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị V phải có trách nhiệm trả cho ông Đ – bà L tiền vốn vay 100.000.000 đồng, và yêu cầu tính lãi kể từ tháng 01 năm 2014 đến nay theo mức lãi nhà nước quy định, có trừ đi hai tháng lãi mà bà V đã nộp. Đối với bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Văn S thì nguyên đơn đã thống nhất lấy cái nền theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/12/2013 có công chứng để trừ đi số nợ 100.000.000 đ, đến nay bà T không còn nợ ông Đ bà L nữa, do đó ông Đ bà L đã có đơn xin rút yêu cầu đối với bà T ông S, nay tôi đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm là xin rút yêu cầu đối với bà T và ông S.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn văn D trình bày: Tôi thừa nhận bà V có vay của ông Đ bà L 100.000.000 đ và bà V có ký vào biên nhận nợ 22/4/2013 AL. sau đó thì bà V có nộp cho vợ chồng ông Đ được khoản 4-5 tháng lãi, do làm ăn bị thua lỗ sau đó bà V không có tiền trả vốn và nộp lãi tiếp cho ông Đ bà L. Hiện do hoàn cảnh khó khăn nên xin hẹn khi bán được cái nền nhà đã thế chấp sẽ trả phần vốn cho ông Đ bà L, riêng phần lãi thì xin đứt không trả, ngoài ra yêu cầu vợ chồng ông Đ bà L trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà V đã thế chấp cho ông Đ bà L.

Bà Bùi Thị T trình bày: Tôi thừa nhận tôi có ký vào biện nhận nợ cùng với bà V để vay của ông Đ bà L 100.000.000 đ và ký tên vào biên nhận ngày 10/5/2013AL, nhưng trong biên nhận này thì bà V ký với tư cách là người làm chứng còn tiền là do tôi trực tiếp nhận và sử dụng. Đến ngày 30/12/2013 tôi với ông S có ký Hợp đồng chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ một cái nền nhà trị giá 100.000.000 đ để trừ số nợ mà tôi đã vay, nhưng khi thỏa thuận giá chuyển nhượng là 150.000.000 đ chứ không phải 100.000.000 đ như ghi trong hợp đồng, với lý do là khi thỏa thuận ông Đ bà L thống nhất giá 150.000.000 đ nhưng khi đến phòng công chứng thì ông Đ đề nghị ghi 100.000.000 đ cho nhẹ thuế và lệ phí công chứng. Nay tôi thống nhất giao cái nền đã ký Hợp đồng cho ông Đ bà L nhưng đề nghị Tòa án công nhận Hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/12/2013 giá trị là 150.000.000 đ

Ý kiến phát biểu của đại diện VKS: Về tố tụng thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi mở phiên tòa xét xử và tại phiên tòa thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng theo trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định; về nội dung, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với bà T ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1]Vê áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án "tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự kiện pháp lý xảy ra, theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2017 của ông Nguyễn Tấn Đ bà Huỳnh Ngọc L yêu cầu đối với bị đơn trong việc tranh chấp vay tài sản, vì vậy cần áp dụng Bộ luật dân sự để giải quyết vụ án

Bị đơn bà Bùi Thị T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị X theo giấy ủy quyền ngày 12/12/2017 đến ngày 08/3/2018 bà T có đơn rút lại ủy quyền cho bà X và bà X đã thống nhất, việc bà T rút lại ủy quyền là hợp lệ, vì vậy trong vụ án này bà X không còn là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho bà T nữa.

Hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Tấn Đ bà Huỳnh Ngọc L với Bà Nguyễn Thị V và bà Bùi Thị T, đôi bên có ký biên nhận nợ trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện là hợp pháp, được pháp luật xem xét và bảo vệ:

[3].Về nội dung: Trên cơ sở trình bày và thừa nhận của đôi bên thể hiện, Vào ngày 22/4/2013 AL bà Nguyễn Thị V có đến vay của ông Đ bà L 100.000.000 đ với mức lãi suất là 4%/ tháng, khi vay bà Vân có ký giấy nợ sau khi vay thì bà V có nộp cho vợ chồng ông Đ được hai tháng lãi và ngưng kéo dài đến nay. Sau đó đến ngày 10/5/2013AL bà T đến vay của vợ chồng ông Đ 100.000.000 đ có ký giấy nợ, trong giấy nợ này bà V có ký vào với tư cách là người làm chứng trong Hợp đồng viêc vay này thì hai bên thỏa thuận cũng mức lãi suất là 4%/ tháng và cũng không nêu thời hạn

trả nợ. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thì phía bà T có ký Hợp đồng chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ một cái nền nhà trị giá 100.000.000 đ theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/12/2013 để trừ số nợ mà bà T đã vay, như vậy thì phần bà T vay của vợ chồng ông Đ bà L đã hết nợ. Bà V thì còn nợ ông Đức bà Loan 100.000.000 đ

Đối với bà V thì ông D đã thừa nhận toàn bộ là bà V có vay và đến nay còn nợ ông Đ bà L như nêu trên, từ đó cho thấy bà V hoàn toàn có lỗi đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối ông Đ bà L, làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp cỏa ông bà, nay ông M là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà V phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đ bà L 100.000.000 đ vốn là hoàn toàn hợp lý. HĐXX nghĩ nên buộc bà V phải có trách nhiệm trả cho ông Đ bà L số tiền trên là phù hợp.

[4]. Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất, bị đơn xin. Xét thấy việc đôi bên xác lập việc vay nợ xảy ra từ tháng 4/2013 tính đến nay cũng khá lâu nhưng do bị đơn sau khi vay thì làm ăn bị thua lỗ nên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn như vậy cho thấy bị đơn hoàn toàn có lỗi, phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất tiền vay như thỏa thuận là hợp lý được HĐXX chấp nhận. Nhằm bảo đảm quyền lợi cho cả đôi bên, nghĩ nên điều chỉnh lại lãi suất theo mức lãi do ngân hàng nhà nước quy định đối với tiền là 0,75%/tháng là hợp lý, thời gian tính lãi như đôi bên thừa nhận từ tháng 01/2014 đến nay là 50 tháng lãi, có trừ đi 2 tháng lãi mà bị đơn đã nộp, nguyên đơn thừa nhận. Còn đại diện bị đơn trình bày nộp được 4-5 tháng lãi nhưng không chứng minh được nên không có cơ sở xem xét.

Như vậy tính ra như sau 100.000.000 đ X 0,75%/tháng X 50 tháng= 37.500.000 đ – 8.000.000 đ = 29.5000.000 đ

Vậy vốn và lãi bà Vân phải trả cho ông Đ bà L là 129.500.000 đ

Trước phiên Tòa hôm nay ông M yêu cầu bà Nguyễn Thị V phải trả cho ông Đ bà L một lần dứt số nợ trên, ông D hẹn khi bán được nền sẽ trả cho ông Đ bà L. Việc thanh toán nợ cụ thể thế nào HĐXX không đề cập giải quyết trong bản án này, mà khi án có hiệu lực pháp luật sẽ do Chi cục thi hành án dân sự Tân châu xem xét giải quyết.

[5]. Trong vụ án này bà V có thế chấp cho nguyên đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quy định của pháp luật đối với quyền sử dụng đất là bất động sản người sử dụng có quyền thế chấp nhưng khi thế chấp trong giao dịch dân sự thì bắt buộc phải qua cơ quan hoặc tổ chứng có thẩm quyền để công chứng hoặc chứng thực trong hợp đồng thì giao dịch đó mới có giá trị pháp luật thi hành. Trong trường hợp này các đương sự chỉ thỏa thuận miệng với nhau mà không lập hợp đồng thế chấp, do đó: Hiện ông Đ bà L giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà V là không phù hợp. HĐXX nghĩ nên buộc ông Đ bà L phải có trách nhiệm trả lại cho bà V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01873DSDĐ/tD cấp ngày 13/11/2001 là hợp lý.

[6]. Theo đơn xin rút một phần đơn khởi kiện ngày 14/12/2017 cũng như tại phiên tòa hôm nay. Ông M là đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn gữ y quan điểm xin rút lại yêu cầu của nguyên đơn đối với bà T và ông S. Bà T cũng thừa nhận và thống

nhất giao cho ông Đ bà L cái nền nhà trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/12/2013 mà đôi bên đã ký kết và có công chứng chứng thực trong hợp đồng, bà T cũng thừa nhận đến nay về quyền và nghĩa vụ của bà đối với ông Đ bà L đã không còn nên bà không có ý kiến và yêu cầu gì cả đối với ông Đ bà L. Như vậy cho thấy về quyền và nghĩa vụ giữa ông Đ bà L với bà T ông S đôi bên đã thực hiện xong, do đó ông Đ bà L xin rút lại yêu cầu đối với bà T ông S là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật. Được HĐXX chấp nhận, nghĩ nên đình chỉ yêu cầu này của ông Đ bà L là phù hợp.

Bà T yêu cầu tính giá trị Hợp đồng chuyển nhượng là 150.000.000 đ, nhưng do bà T không có phản tố và người có quyền và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, nên HĐXX không đặt ra để xem xét bên cạnh đó do nguyên đơn đã rút yêu cầu, nếu giữa bà T ông S với vợ chồng ông Đ bà L có tranh chấp với nhau thì vẫn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[6].Về án phí DSST: Do bà Nguyễn Thị V có lỗi nên bà V phải chịu 6.475.00 đ. Hoàn lại cho ông Nguyễn Tấn Đ bà Huỳnh Ngọc L 2.500.000 đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001402 ngày 23/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26 Điều 35; khoản 2 Điều 71 Bộ luậ tố tụng dân sự. Điều 471; 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sư năm 2005. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Xử : Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tấn Đ bà Huỳnh Ngọc L do ông Nguyễn Văn M làm đại diện theo ủy quyền.

Buộc bà Nguyễn Thị V phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tấn Đ bà Huỳnh Ngọc L tiền vốn và lãi 129.500.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Tấn Đ bà Huỳnh Ngọc L phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01873DSDĐ/tD cấp ngày 13/11/2001 do bà Nguyễn Thị V đứng tên.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Tấn Đ bà Huỳnh Ngọc L đối với yêu cầu bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Văn S trả 100.000.000 đ vốn và lãi suất kém theo.

Về án phí DSST: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 6.475.00 đ. Hoàn lại cho ông Nguyễn Tấn Đ bà Huỳnh Ngọc L 2.500.000 đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001402 ngày 23/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật,(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lải của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015".

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.)

Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu tòa xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TA tỉnh An Giang;
-VKSND tỉnh An Giang;
-VKSND thị xa Tân Châu;
-THA thị xã Tân Châu;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thế Minh